

『みんなの日本語 初級Ⅱ 第2版 初級で読めるトピック25』補助資料（『第3版 本冊』未習語の翻訳）

以下の語彙は『みんなの日本語 初級Ⅱ 第3版 本冊』の該当課の段階では未習ですので、『第3版 本冊』と『第2版 初級で読めるトピック25』を 併用する場合は以下の訳をご利用ください。

追加が必要な語彙（訳自体が入る箇所は別冊）

本冊ページ	箇所	別冊ページ	日本語	英語	インドネシア語	タイ語	ベトナム語	中国語	韓国語
10	第28課 本文	6	サービス	service	pelayanan	บริการ	dịch vụ	服务	서비스
12	第29課 本文	6	とっきゅう 特急	express	super ekspres	รถไฟด่วนพิเศษ	tàu tốc hành đặc biệt	特快	특급
16	第30課 プラスアルファ	8	ビデオ	video [tape], video deck	kaset video, VHS	วิดีโอเทป, เครื่องเล่นวิดีโอ	băng video, đầu video	录像带、录像机	비디오
42	第38課 本文	24	しゅじん 主人	(my) husband	suami	สามี (ของดิฉัน)	chồng (dùng khi nói về chồng mình)	(自己的) 丈夫	남편
44	第38課 プラスアルファ	26	ケータイ	mobile phone, cell phone	HP	โทรศัพท์มือถือ	điện thoại di động	手机	휴대폰
49	第39課 プラスアルファ	28	ハンサム	handsome	tampan, gagah, ganteng	หล่อ	đẹp trai	美男子	헝サム하다, 잘생기다
66	カレーあれこれ	38	そのご その後	after that, later	setelah, sesudah	หลังจากนั้น	sau đó	那之后、后来	그 후
72	第46課 本文	42	信じます 信じます	believe, trust	percaya	เชื่อ, เชื่อถือ	tin	相信	믿습니다
80	第48課 本文	44	かぐやひめ かぐや姫	Princess Kaguya (heroine of the old Japanese folktale “Taketori Monogatari”)	Putri Kaguya (protagonis dari cerita dongen Jepang “Taketori monogatari”)	เจ้าหญิงคางุยะ (ตัวละครเอกในนิทานญี่ปุ่น เรื่อง “ตำนานไม้ไผ่”)	công chúa Kaguya (nữ anh hùng trong truyện cổ tích dân gian “Taketori Monogatari” của Nhật Bản)	赫夜姬（日本传说《竹取物语》中的主人公）	가구야공주 (일본의 옛 설화 “다케토리 모노가타리”의 주인공)
84	第49課 本文	46	アップルぎんこう アップル銀行	a fictitious bank	bank fiksi	ธนาคาร (นามสมมุติ)	Ngân hàng Apple (tên giả định)	(虚构的银行)	실제로 존재하지 않는 은행
89	第50課 本文	50	おくさま 奥様	(someone else's) wife (respectful equivalent of おくさん)	Nyonya (Kata Hormat dari おくさん, terhadap istri orang ialn)	ภรรยา (ของผู้อื่น) (คำยกย่องของ おくさん)	vợ của người khác (kính ngữ của おくさん)	(别人的) 夫人（「おくさん」的尊敬语）	(타인의) 부인（「おくさん」의 존경어）
91	第50課 プラスアルファ	52	ヨーロッパ	Europe	Europa	ยุโรป	châu Âu	欧洲	유럽